TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DS-ST
Ngày: 04-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Hữu Cải;

Ông Phạm Văn Phùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2018/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đào Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 26, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*:

1. Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1979;

2. Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Tổ 26, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà L, anh Đ có mặt; chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày:

Bà với vợ chồng anh Trương Văn Đ, chị Nguyễn Thị Lệ H là hàng xóm, quen biết với nhau nên bà có cho anh Đ, chị H vay số tiền nhiều lần cụ thể:

- Ngày 08-11-2011 (Al) cho anh Đ, chị H vay số tiền 15.000.000 đồng có ghi giấy nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 50.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng, nhưng không ghi vào giấy nợ; thời hạn trả nợ là ngày 08-4-2012, nhưng anh Đ, chị H không trả nợ.

- Ngày 30-8-2013 (Al) cho anh Đ, chị H vay số tiền 20.000.000 đồng có ghi giấy nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 50.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng, nhưng không ghi vào giấy nợ; thời hạn trả nợ là ngày 30-02-2014, nhưng anh Đ, chị H không trả nợ.

- Ngày 26-6-2016 (Al) cho anh Đ, chị H vay số tiền 100.000.000 đồng có ghi giấy nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 50.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng, nhưng không ghi vào giấy nợ; thời hạn trả nợ là ngày 26-12-2016, nhưng anh Đ, chị H không trả nợ.

Từ khi vay tiền anh Đ, chị H không trả số tiền lãi suất nào cho bà theo như thỏa thuận, bà có yêu cầu anh Đ, chị H trả nợ nhưng anh Đ, chị H cứ hẹn mà không trả, bà nghĩ chổ hàng xóm, quen biết nên không khởi kiện chị H, anh Đ và kéo dài đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị H phải trả cho bà số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng và tiền lãi suất 25.771.500 đồng, tính từ ngày 26-6-2016 đến ngày 26-5-2018, với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trương Văn Đ có ý kiến việc yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh với chị Nguyễn Thị Lệ H là vợ chồng và cũng là hàng xóm, quen biết với bà Đào Thị L. Từ trước đến nay vợ chồng anh có vay tiền của bà L nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày tháng năm nào anh không nhớ, nhưng anh nhớ vợ chồng có vay số tiền 15.000.000 đồng;

- Lần thứ hai: Vào ngày tháng năm nào anh không nhớ, nhưng anh nhớ vợ chồng có vay thêm số tiền 20.000.000 đồng;

- Lần thứ ba: Vào ngày tháng năm nào anh không nhớ, nhưng anh nhớ vợ chồng có vay thêm số tiền 40.000.000 đồng;

- Lần thứ tư: Vào ngày tháng năm nào anh không nhớ, nhưng anh nhớ bà L có giao thêm cho vợ chồng anh vay số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 lần vay số tiền gốc là 80.000.000 đồng, ngoài ra không vay của bà L số tiền nào nữa cả. Đối với 03 Giấy nhận nợ do bà L cung cấp là chữ ký của anh, còn chữ ký H (vợ anh) cũng là do anh ký viết, chứ vợ anh không biết chữ. Số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng bà L trình bày là không đúng, vợ chồng anh chỉ vay tiền của bà L tổng cộng 04 lần cụ thể như nêu trên. Sau đó bà L viết giấy nợ 100.000.000 đồng tính cả tiền lãi suất kêu vợ chồng anh ký tên vào giấy này, thời điểm này anh nghĩ bà L giúp đở mình nên đồng ý ký tên vào giấy nợ 100.000.000 đồng chứ thực tế số tiền vay lần thứ nhất và lần thứ hai đã cộng vào giấy nợ 100.000.000 đồng (việc này anh không có gì chứng minh). Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tức là 150.000

đồng/tháng/1.000.000 đồng), sau đó hai bên mới chốt nợ lại và ghi giấy nợ 100.000.000 đồng, lúc này hai bên mới thỏa thuận lãi suất lại là mỗi tháng 50.000 đồng/1.000.000 đồng, sau khi chốt nợ và ghi giấy nợ 100.000.000 đồng vợ chồng anh có trả cho bà L tiền lãi suất được 02 tháng số tiền là 10.000.000 đồng, khi trả lãi không có ghi giấy tờ gì nên không có gì chứng minh.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh có nghĩa vụ trả cho bà 135.000.000 đồng tiền vay gốc và 25.771.500 đồng tiền lãi suất; tổng cộng 160.771.500 đồng thì anh không đồng ý. Vợ chồng anh chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 135.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi suất theo yêu cầu của bà L, vì trong số tiền 135.000.000 đồng chỉ có 80.000.000 đồng tiền nợ gốc số tiền còn lại là tiền lãi suất, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho việc này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-9-2018 chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Chị là vợ anh Trương Văn Đ, chị thống nhất vợ chồng chị có vay tiền của bà L các lần cụ thể như anh Đ trình bày và thừa nhận còn nợ bà L số tiền 135.000.000 đồng, trong số tiền này chỉ có 80.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn lại là tiền lãi suất. Nay chị đồng ý cùng anh Đ có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 135.000.000 đồng, không đồng ý trả thêm tiền lãi suất.

Đối với chữ ký, chữ viết tên "*H và Nguyễn Thị Lệ H*" trong 03 giấy nhận nợ do bà L cung cấp cho Tòa án là do anh Đ ký thay chị vì chị không biết chữ, việc ký thay này chị đồng ý, không ý kiến gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng chị Nguyễn Thị Lệ H là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị H là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu của bà Đào Thị L là có sơ sở chấp nhận một phần, vì các lần vay vào ngày 08-11-2011 (AL) và 30-8-2013 (AL) đã hết thời hiệu khởi kiện nên bà L không có quyền yêu cầu tính tiền lãi suất đối với số tiền này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 256, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L đối với anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị L số tiền vay gốc 135.000.000 đồng và tiền lãi suất của số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là 20.600.000 đồng, tổng cộng 155.600.000 đồng.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L đối với anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H đối số số tiền lãi suất 5.171.500 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị L, anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Tại phiên tòa Kiểm sát viên cho rằng các lần vay vào ngày 08-11-2011 (AL) và 30-8-2013 (AL) đã hết thời hiệu khởi kiện nên bà L không có quyền yêu cầu tính tiền lãi suất đối với số tiền này là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi vì, ngày 21-5-2018 bà Đào Thị L có đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp H, xã T giải quyết việc tranh chấp giữa bà với vợ chồng anh Đ, chị H và tại buổi hòa giải ngày 27-5-2018 anh Đ thừa nhận có nợ tiền vay của bà L tổng cộng 135.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 157 của Bộ luật Dân sự xác định vụ án được bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện từ ngày 27-5-2018.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Lệ H là bị đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, ngày 01-6-2018 bà Đào Thị L khởi kiện cho rằng anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H có nợ bà số tiền vay 135.000.000 đồng, nhưng không thực hiện trả nợ gốc và tiền lãi suất nên nay bà yêu cầu anh Đ, chị H trả lại số tiền nợ trên và tiền lãi suất tính từ ngày 26-6-2016 đến ngày 26-5-2018 là 23 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 25.771.500 đồng. Anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H thừa nhận có nợ tiền vay bà L số tiền 135.000.000 đồng là đúng, nay đồng ý trả cho bà L số tiền này, nhưng không đồng ý trả tiền lãi suất 25.771.500 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H thừa nhận có vay tiền của bà L tổng cộng 135.000.000 đồng theo 03 giấy cam kết mượn tiền ghi các ngày 08-11-2011 (âm lịch); ngày 30-8-2013 (âm lịch) và ngày 26-6-2016 (âm lịch), đến nay anh, chị chưa trả được số tiền trên là đúng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H có giao kết hợp đồng vay tài sản với bà Đào Thị L và còn nợ bà L số tiền 135.000.000 đồng là đúng sự thật. Nay bà L yêu cầu anh Đ, chị H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng; anh Đ, chị H đồng ý trả lại số tiền trên cho bà L là phù hợp với Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu tính tiền lãi suất của bà L thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên thừa nhận khi giao dịch với nhau có thỏa thuận lãi suất với mức lãi suất 5%/tháng và nay bà L yêu cầu anh Đ, chị H phải trả tiền lãi

suất của số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 26-6-2016 đến ngày 26-5-2018 là 23 tháng, thành tiền 25.771.500 đồng nhưng anh Đ, chị H không đồng ý. Xét thấy, khi các bên giao dịch với nhau có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng đến hạn anh Đ, chị H không trả được nợ nên việc bà L yêu cầu anh Đ, chị H phải trả thêm tiền lãi suất là phù hợp theo Điều 474 của bộ luật Dân sự năm 2005; nhưng khi giao dịch hai bên thỏa thuận lãi suất vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, do đó Hội đồng xét xử xem xét tính tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 là không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố và theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN, ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (tức 0,75%/tháng), do đó mức lãi suất được tính là 1,125%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L chỉ yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng, mức lãi suất 0,83% từ ngày 26-6-2016 đến ngày 26-5-2018 là 23 tháng = 25.771.500 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét lời trình bày của anh Đ, chị H cho rằng trong số tiền 135.000.000 đồng có 55.000.000 đồng tiền lãi suất và có trả cho bà L được 10.000.000 đồng tiền lãi suất nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L đối với anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị L số tiền vay gốc 135.000.000 đồng và tiền lãi suất 25.771.500 đồng, tổng cộng 160.771.500 (một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm) đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận nên anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 121, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L đối với anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lê H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị L số tiền vay gốc 135.000.000 đồng và tiền lãi suất 25.771.500 đồng, tổng cộng 160.771.500 (một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lê H phải chịu 8.038.500 (tám triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm) đồng.

Bà Đào Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L 4.019.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0025570 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị L, anh Trương Văn Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Lệ H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc